

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1401/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 8 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành công trình Kiên cố hóa  
kênh mương nội đồng thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính  
quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 2314/BC-STC  
ngày 06/8/2020.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc.
- Địa điểm xây dựng: Xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.
- Thời gian khởi công, hoàn thành: từ ngày 30/8/2019 đến ngày 01/3/2020.

#### Điều 2. Kết quả đầu tư

- Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Stt	Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư	Phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
				Số vốn đã thanh toán	Còn thanh toán
	<b>Tổng số</b>	<b>4.095.803.559</b>	<b>3.617.892.338</b>	<b>3.473.873.095</b>	<b>144.019.243</b>
1	Ngân sách nhà nước	4.095.803.559	3.617.892.338	3.473.873.095	144.019.243



*Handwritten signature*

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Stt	Nội dung	Giá trị dự toán	Giá trị quyết toán
		<b>Tổng số</b>	<b>4.095.803.558</b>
1	Chi phí xây dựng	3.389.338.666	3.149.466.845
2	Chi phí quản lý dự án	120.766.228	120.766.228
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	364.483.192	310.329.170
4	Chi phí khác	122.781.107	37.330.095
5	Chi phí dự phòng	98.434.365	0

## 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

## 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng.

Stt	Nội dung	Chủ đầu tư quản lý		Đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
	<b>Tổng số</b>			<b>3.617.892.338</b>	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	/		3.617.892.338	/
2	Tài sản ngắn hạn	/	/	/	/

## 5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

## 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng.

Stt	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
		<b>Tổng số</b>	<b>3.617.892.338</b>
1	Ngân sách nhà nước	3.617.892.338	/

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 18/3/2020 là 144.019.243 đồng, Trong đó:

- Tổng nợ phải trả: 150.091.310 đồng;

- Tổng nợ phải thu: 6.072.067 đồng.



(Chi tiết các khoản công nợ theo Bảng tình hình thanh toán và công nợ của dự án do Sở Tài chính lập tại Báo cáo thẩm tra quyết toán số 2314/BC-STC ngày 06/8/2020 kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị: đồng.

Stt	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Trạm Thủy nông huyện Thuận Bắc	3.617.892.338	/

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn hạch toán tài sản.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận, Trưởng trạm Thủy nông huyện Thuận Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Chủ đầu tư (03 bản);
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, NQH

CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh



**TỈNH BÌNH THUAN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**

**Công trình: Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thôn Xóm Bằng**

(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán số 2214/BC-STC ngày 06/8/2020)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Đơn vị thực hiện	Nội dung chi phí	Kết quả kiểm toán	Đã thanh toán	Công nợ tính đến 18/3/2020	
					Phải trả (+)	Phải thu (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.617.892.338</b>	<b>3.473.873.095</b>	<b>150.091.310</b>	<b>-6.072.067</b>
1	Cty TNHH TM&XD Nhật Tảo	Chi phí xây dựng	3.149.466.845	3.033.773.705	115.693.140	
2	BQLDA ĐTXD huyện Thuận Bắc	Quản lý dự án	120.766.228	120.766.228	0	
3	Cty TNHH TVXD Hưng Thịnh	Khảo sát địa hình	70.977.078	67.428.000	3.549.078	
		Lập BCKTKT	142.778.045	135.639.000	7.139.045	
4	Cty TNHH TVTK Trung Nguyên	Giám sát khảo sát	2.890.000	2.890.000	0	
		Lập HSMT, ĐGHSDT thi công	11.429.000	11.429.000	0	
5	Cty TNHH TVTK&XD QT NT	Giám sát thi công xây dựng	82.255.047	78.000.000	4.255.047	
6	Cty Bảo Minh NT	Bảo hiểm công trình	17.096.892	17.096.892	0	
7	Sở NN&PTNT	Thẩm định thiết kế - dự toán	778.203	6.850.270		-6.072.067
8	Sở Tài chính	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.455.000	0	19.455.000	